TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37**/2024/DS-ST
Ngày: 24-5-2024
"*V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Ông Quách Thị Thu Hương;

2. Ông Nguyễn Trường Thống.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Tú Nguyên - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tri Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2024/QĐXXST-DS ngày 05/4/2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 34a/2024/QĐST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần (; Trụ sở số 40 - 42 - D P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; người đại diện theo pháp luật Ông Trần Ngọc M - Chức vụ: Tổng giám đốc, người đại diện theo ủy quyền ông Phạm Việt T - chuyên viên xử lý nợ - Phòng giao dịch Huyện V (Có mặt).

* Bị đơn: Ông Lê Trọng N, sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện V, Kiên Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Việt T trình bày*: Ngày 18/7/2019 Ngân hàng có cho ông Lê Trọng N vay số tiền 30.000.000 đồng, theo Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K số

1339/19/TC/1009-07960 ngày 18/7/2019 loại thẻ VISA CREDIT CLASSIC – KHONG TSBD, lãi suất vay theo mức lãi suất cho vay của ngân hàng trong từng thời kỳ, thời hạn vay 36 tháng, phương thức trả nợ theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm Thẻ tín dụng quốc tế.

Trong quá trình sử dụng dịch vụ thẻ khách hàng đã vi phạm hợp đồng, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở và khách hàng cũng đã cam kết nhưng không thực hiện đúng cam kết. Tính đến ngày 10/11/2023 ông Lê Trọng N còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 32.802.250 đồng (Trong đó nợ gốc 23.897.638 đồng, lãi phát sinh 6.860.553 đồng, phí phát sinh 2.044.059 đồng).

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Việt T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Trọng Nguyễn t cho Ngân hàng số tiền nợ tổng cộng gốc và lãi là 40.523.273 đồng (Trong đó nợ gốc 23.897.638 đồng, lãi phát sinh 10.197.056 đồng, phí phạt chậm trả còn lại 6.428.579 đồng).

** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Lê Trọng N để ông trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng cũng như tham gia các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông Nguyễn k nộp cho Tòa án bản tự khai hay ý kiến trình bày của mình đối với yêu cầu của Ngân hàng,cố tình vắng mặt không rõ lý do trong quá trình tòa án giải quyết.*

** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu*:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng tư cách tham gia tố tụng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định, tuy nhiên bị đơn vi phạm những quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa không lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt ông Nguyễn l đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhận định: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín

dụng, việc cho và vay tiền giữa các bên là tự nguyện, có làm Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K theo quy định pháp luật. Nguyên đơn cung cấp chứng cứ chứng minh việc bị đơn có vay tiền, dư nợ chưa trả, lãi suất theo hợp đồng đã thỏa thuận. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến trình bày. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Trọng Nguyễn t cho Ngân hàng số tiền nợ tổng cộng gốc và lãi là 40.523.273 đồng (Trong đó nợ gốc 23.897.638 đồng, lãi phát sinh 10.197.056 đồng, phí phạt chậm trả còn lại 6.428.579 đồng). Do đó, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ tổng cộng gốc và lãi là 40.523.273 đồng (Trong đó nợ gốc 23.897.638 đồng, lãi phát sinh 10.197.056 đồng, phí phạt chậm trả còn lại 6.428.579 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**] *Về thủ tục tố tụng*:

[**1.1**] Bị đơn ông Lê Trọng N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, xét thấy sự vắng mặt của ông N không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn l đúng quy định pháp luật.

[**1.2**] Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần (xác định yêu cầu ông Nguyễn t cho Ngân hàng số tiền nợ tổng cộng gốc và lãi là 40.523.273 đồng (Trong đó nợ gốc 23.897.638 đồng, lãi phát sinh 10.197.056 đồng, phí phạt chậm trả còn lại 6.428.579 đồng). Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Điều 1 của Nghị quyết số 01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; bị đơn có nơi cư trú tại ấp C, xã B, huyện V, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết là phù hợp.

[**2**] *Nội dung tranh chấp*: Năm 2019 ông Nguyễn v của Ngân hàng TMCP (

số tiền 30.000.000 đồng, đã hết hạn hợp đồng kể từ ngày 18/7/2022 nhưng ông Nguyễn k trả nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần (khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn t số tiền vay gốc và lãi là 40.523.273 đồng (Trong đó nợ gốc 23.897.638 đồng, lãi phát sinh 10.197.056 đồng, phí phạt chậm trả còn lại 6.428.579 đồng).

[**2.1**] *Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần (thấy rằng*: Việc Ngân hàng cho ông Nguyễn v tiền có làm Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K, việc cho vay tiền giữa các bên là tự nguyện, thỏa thuận lãi suất cho vay cụ thể. Trong quá trình thực hiện hợp đồng phía bị đơn liên tục vi phạm hợp đồng là không trả gốc và lãi theo kỳ hạn như đã thỏa thuận, không có thiện chí trả nợ mà cố tình lẫn tránh. Phía nguyên đơn cung cấp đầy đủ chứng cứ chứng minh việc bị đơn có vay tiền, dư nợ chưa trả, lãi suất theo hợp đồng đã thỏa thuận. Do Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả toàn bộ số tiền vay còn thiếu, do đó HĐXX có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả nợ còn thiếu cho Ngân hàng.

[2.2] *Đối với yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần (về việc yêu cầu trả lãi phát sinh là 10.197.056 đồng, phí phạt chậm trả còn lại 6.428.579 đồng*: Hội đồng xét xử thấy rằng khi cho vay các bên đã thỏa thuận lãi suất vay, bên bị đơn cũng thống nhất không có ý kiến gì. Xét thấy việc tự thỏa thuận lãi suất giữa các bên trong hợp đồng vay là phù hợp theo quy định tại Điều 100 (Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng) của Luật các tổ chức tín dụng số: 32/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024; Điều 7 và khoản 1 Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Xét thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa các bên trong hợp đồng tín dụng là không vượt quá các quy định của pháp luật về lãi suất nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu tính lãi suất khoản nợ vay.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại cổ phần (là có căn cứ để chấp nhận toàn bộ nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc ông Lê Trọng Nguyễn t số tiền nợ còn thiếu cho Ngân hàng tổng cộng gốc và lãi là 40.523.273 đồng (Trong đó nợ gốc 23.897.638 đồng, lãi phát sinh 10.197.056 đồng, phí phạt chậm trả còn lại 6.428.579 đồng).

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% đối với số tiền 40.523.273 đồng là 2.026.163 đồng.

[4] Do bị đơn ông Lê Trọng N bị buộc trả nợ nên phải chịu toàn bộ tiền án phí.

Ngân hàng Thương Mại cổ phần (không phải nộp án phí, trả lại án phí tạm nộp cho Ngân hàng Thương Mại cổ phần (số tiền 820.056 đồng theo lai thu số 0005342 ngày 25/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35, Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 100 của Luật các Tổ chức tín dụng số: 32/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024; Điều 7 và khoản 1 Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần (về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Lê Trọng N.

Buộc bị đơn ông Lê Trọng N phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần (số tiền vay gốc và lãi còn nợ là 40.523.273 đồng (Trong đó nợ gốc 23.897.638 đồng, lãi phát sinh 10.197.056 đồng, phí phạt chậm trả còn lại 6.428.579 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 10/5/2024, ông Nguyễn c phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Tiền án phí DSST trong vụ án là 2.026.163 đồng. Do bị đơn ông Lê Trọng N bị buộc trả nợ nên phải chịu toàn bộ tiền án phí.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần (- Phòng giao dịch huyện V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 820.056 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005342 ngày 25/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

3. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/5/2024). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ. /.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Bình Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mỹ Vinh